

Mẫu số 2-CBTT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2007/TT-BTC
ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính)

Tên doanh nghiệp bảo hiểm: TCTY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB-VINACOMIN
 Báo cáo năm 2010: từ 01/01/2010 đến 31/12/2010.

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ
TÀI SẢN			
I	Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	319,255,104,020	278,142,663,431
1	Tiền	9,681,940,166	16,649,843,631
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	280,693,960,000	209,942,414,535
3	Các khoản phải thu	17,418,551,649	40,207,105,457
4	Tài sản lưu động khác	11,460,652,205	11,343,299,808
II	Tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn	72,468,469,690	221,533,997,418
1	Tài sản cố định	11,383,564,504	12,711,191,122
	- Nguyên giá	11,885,376,146	15,477,737,876
	- Khấu hao lũy kế	(501,811,642)	(2,766,546,754)
2	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	55,000,000,000	176,377,051,110
3	Ký quỹ	6,020,955,186	6,205,755,186
4	Tài sản khác	63,950,000	26,240,000,000
III	Tổng tài sản	391,723,573,710	499,676,660,849
CÔNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
IV	Công nợ	83,646,938,517	179,604,239,588
1	Nợ ngắn hạn	13,620,884,855	32,910,499,279
2	Nợ dài hạn	-	-
3	Nợ khác	-	853,000,000
4	Dự phòng nghiệp vụ	70,026,053,662	145,840,740,309
V	Nguồn vốn chủ sở hữu	308,076,635,193	320,072,421,261
1	Nguồn vốn kinh doanh	300,000,000,000	300,000,000,000
2	Các quỹ	243,376,760	857,050,774
3	Lợi nhuận chưa phân phối	7,833,258,433	19,215,370,487
4	Nguồn vốn khác		
VI	Tổng công nợ và vốn chủ sở hữu	391,723,573,710	499,676,660,849

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Luỹ kế
1	Tổng doanh thu	246,353,594,171	246,353,594,171
	Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm, môi giới bảo hiểm	190,903,083,146	190,903,083,146
	Doanh thu về hoạt động tài chính	55,320,742,715	55,320,742,715
	Doanh thu khác	129,768,310	129,768,310
2	Tổng chi phí	220,705,131,854	220,705,131,854
	Chi phí từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm, môi giới bảo hiểm	114,380,930,395	114,380,930,395
	Chi phí hoạt động tài chính	14,003,080,823	14,003,080,823
	Chi phí quản lý doanh nghiệp	92,320,270,841	92,320,270,841
	Chi phí khác	849,795	849,795
3	Lợi nhuận trước thuế	25,648,462,317	25,648,462,317
4	Thuế thu nhập phải nộp	6,433,091,829	6,433,091,829
5	Lợi nhuận sau thuế	19,215,370,488	19,215,370,488

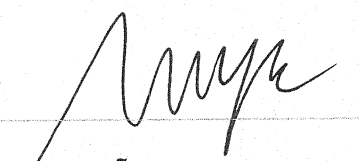
III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

(Chỉ áp dụng đối với báo cáo năm)

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước	Đơn vị tính
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản cố định/Tổng tài sản	3%	3%	%
	- Tài sản lưu động/Tổng tài sản	56%	82%	
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	36%	21%	%
	Nợ phải trả/ nguồn vốn chủ sở hữu	56%	27%	
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	7 lần	21 lần	Lần
	- Khả năng thanh toán hiện hành	3 lần	4.7 lần	
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	5%	3%	%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	10%	11%	
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở	6%	3%	

Ngày 28 tháng 03 năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU


Nguyễn Thị Thuý Nga

